

Cạnh tranh ảnh hưởng và động lực phát triển của hai cường quốc tại khu vực: So sánh chính sách đối ngoại của Trung Quốc và Mỹ ở Đông Nam Á

Affabile Rifawan*

Đại học Padjadjaran, Indonesia

Novi Amelia**

Viện Công nghệ Bandung, Indonesia

Tóm tắt

Trung Quốc và Mỹ, hai cường quốc và là hai nền kinh tế lớn nhất thế giới đang cạnh tranh ảnh hưởng và vị trí lãnh đạo ở khu vực Đông Nam Á thông qua các kế hoạch hội nhập và cách tiếp cận địa chính trị khác nhau. Bài viết so sánh chính sách đối ngoại của Trung Quốc và Mỹ, cụ thể là các hình thức hội nhập kinh tế và cách tiếp cận địa chính trị tại Đông Nam Á. Các tác giả so sánh động cơ và lý do các cường quốc lớn và hạng hai trong khu vực chấp nhận hoặc tranh cãi về các chính sách của Mỹ và Trung Quốc. Mỹ ở vị thế có lợi hơn trong việc thể hiện sức mạnh quân sự ở khu vực và nhấn mạnh tới sự phát triển của con người. Trong khi đó, Trung Quốc đề xuất cách tiếp cận tập trung vào đầu tư cơ sở hạ tầng và sử dụng các biện pháp quân sự trong tranh chấp Biển Đông.

Từ khóa: lãnh đạo, ảnh hưởng, Đông Nam Á, Trung Quốc, Mỹ, chính sách đối ngoại

1. Giới thiệu chung

Với các động lực của nền kinh tế và chính trị quốc tế, hai cường quốc toàn cầu là Mỹ và Trung Quốc sẽ mở rộng ảnh hưởng ra phạm vi toàn cầu. Sau khi Mỹ thành công ở Trung Đông, đặc biệt là tại Iraq và Afghanistan trong chiến lược kiểm chế chủ nghĩa khủng bố và bảo vệ lợi ích của Mỹ bằng cách tiếp cận gián tiếp và trực tiếp (Jeffrey và Eisenstadt, 2016: 14-16), Mỹ sẽ đi tìm các mục tiêu mới. Chính sách kiểm chế truyền thống vẫn đóng vai trò chủ chốt trong quá trình thiết kế và xây dựng chính sách đối ngoại của Mỹ. Noam Chomsky lập luận rằng chiến lược của Mỹ ở Trung Đông là giành được các mục tiêu tại “Khu vực Đại chiến lược” (Chomsky, 1991: 14-31). Tuy nhiên, Mỹ vẫn cần thực hiện một nhiệm vụ, đặc biệt là kiến tạo các quốc gia dân chủ ổn định ở Trung Đông. Trong khi đó, Iraq, Afghanistan và hiện tại là Syria không thể triển khai các mục tiêu dân chủ và vẫn dễ bị tổn thương do sự tồn tại của Nhà nước Hồi giáo Iraq và Syria (ISIS).

Mặt khác, Trung Quốc tiếp tục nâng cao hình ảnh ở châu Phi (van Dijk, 2009b: 10-11). Chính sách ngoại giao kinh tế của Trung Quốc tập trung vào viện

trợ tài chính và đầu tư khiến các nước châu Phi ngày càng phụ thuộc vào Trung Quốc. Tới năm 2015, 15% khối lượng thương mại của các nước châu Phi là với Trung Quốc (Thrall, 2015: xiii). Nguyên tắc duy nhất Trung Quốc sử dụng là không can thiệp vào chính trị nội bộ và quân sự khi xây dựng quan hệ với các nước châu Phi. Trung Quốc cũng hưởng lợi từ khía cạnh an ninh với các khoản đầu tư khổng lồ vào 20 quốc gia thất bại ở châu Phi (*ibid.*: xv). Thêm vào đó, các nước châu Phi cũng mong muốn có các dự án kinh tế với Trung Quốc do đang phải gánh chịu các cuộc xung đột trong nước trong một thời gian dài và cần ổn định để tránh xung đột trong tương lai. Hiện tại, dù sự thành công của Trung Quốc hiện không đe dọa các lợi ích của Mỹ ở châu Phi nhưng về dài hạn đây có thể là một thách thức to lớn với Mỹ và ở khía cạnh đó, điều này có thể tạo ra thêm nguyên cớ va chạm.

Căn cứ vào tình hình hiện nay giữa Trung Quốc và Mỹ, Gaiser và Kovae (2012) chỉ ra rằng tình trạng phân cực (polarity) một lần nữa có thể là đặc trưng của quan hệ quốc tế và có khả năng hình thành tình trạng phân cực Chiến tranh Lạnh mới. Sau năm 1990, Mỹ không thể duy trì lâu dài tình trạng đơn cực. Tình trạng đơn cực chỉ kéo dài tới năm 2006 và sụp đổ vào năm 2008 do khủng hoảng Tài chính Toàn cầu (Gaiser và Kovae, 2012: 49-63). Trong khi đó, sự trỗi dậy của Trung Quốc với vị thế là một cường quốc mới nổi trong nền kinh tế toàn cầu chỉ khiến cuộc cạnh tranh chính trị giữa Trung Quốc và Mỹ thêm căng thẳng. Từ phía Mỹ, một số nhà khoa học chính trị như Huntington (1997) và Fukuyama (2006) vẫn bảo vệ quan điểm khẳng định sự chiến thắng của chủ nghĩa tư bản và văn minh phương Tây so với các giải pháp kinh tế và chính trị khác trong việc định hình tư duy của các công dân toàn cầu, những người ủng hộ sự mở rộng của Mỹ. Những định nghĩa và ý tưởng này ủng hộ sự mở rộng của Mỹ và góp phần biện minh cho chính sách an ninh của Mỹ, đặc biệt là chính sách gia tăng ảnh hưởng tại khu vực. Mặt khác, Trung Quốc có tham vọng mở rộng ảnh hưởng trong nền chính trị quốc tế và trở thành một chủ thể toàn cầu. Chiến lược “Vươn ra toàn cầu” bắt nguồn từ năm 2001 là nền tảng cho nỗ lực trở thành nhà đầu tư số một thế giới của Trung Quốc (Thrall, 2015: 10). Sau khi Trung Quốc trở thành cường quốc chủ chốt trong nền kinh tế quốc tế, nước này cũng có thể tăng cường khả năng quân sự và chính trị.

Gần đây, khả năng xung đột tiềm tàng giữa Trung Quốc và Mỹ diễn ra ở Đông Nam Á, một khu vực được kỳ vọng tăng trưởng kinh tế trong tương lai. Phần lớn các chuyên gia cho rằng Đông Nam Á là khu vực ổn định nhất với tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định và các quốc gia khu vực có thể tiếp tục chung sống hòa bình (Archarya, 2014; Narine, 2002: 2). Cam kết mạnh mẽ đối với các giải pháp hòa bình có thể giúp ngăn ngừa tình trạng thuộc địa hóa và bạo lực xảy ra trong quá khứ, từ đó tạo nên nền tảng vững chắc cho ổn định và hòa bình trong khu vực. Do

đó, khu vực này sẽ là một mục tiêu mới của cả hai siêu cường với sự hỗ trợ từ các nước đồng minh của mình.

Là một phần trong chiến lược xây dựng ảnh hưởng ở Đông Nam Á, Trung Quốc và Mỹ tập trung vào khía cạnh kinh tế và địa chính trị. Khía cạnh đầu tiên có tầm quan trọng trong nền kinh tế là thương mại quốc tế. Sau khi toàn cầu hóa và công nghệ phát triển vào những năm 90, biên giới quốc gia trở nên ít quan trọng hơn. Các rào cản thương mại, đặc biệt là thuế thương mại được cắt giảm đáng kể vì những nhân tố này bị xem là cản trở dòng thương mại. Xu hướng này đã thúc đẩy các nước Đông Nam Á thành lập Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) nhằm xây dựng hội nhập kinh tế khu vực: Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) năm 2015.

Hiệp định thương mại tự do của AEC không giới hạn trong thương mại nội khối mà có mục tiêu xây dựng thỏa thuận tự do thương mại toàn cầu nhằm xóa bỏ rào cản thương mại ở phạm vi toàn cầu. Thông qua sáng kiến này, Trung Quốc và Mỹ thâm nhập vào khu vực bằng các sáng kiến thúc đẩy thương mại quốc tế trong ASEAN. Trung Quốc đề xuất RCEP (Đối tác Kinh tế Khu vực Toàn diện) và Mỹ đề xuất TPP (Đối tác Xuyên Thái Bình Dương) (Ye, 2015: 206-224). Thậm chí không phải tất cả các nước ASEAN tham gia vào các chiến lược này. Xu hướng này cho thấy phần lớn các nước ASEAN đều có lợi ích trong những sáng kiến này trong khi toàn cầu hóa buộc các nước ASEAN tận dụng các hình thức hội nhập gần gũi hơn. Tới nay, RCEP đã thu hút được một số quốc gia từ ASEAN kể từ khi Con đường Tơ lụa thay thế hoặc cạnh tranh của TPP. Theo quan điểm thông thường về Thái Bình Dương, TPP bao phủ phạm vi và mức độ rộng lớn hơn và sẽ là thỏa thuận thương mại tự do lớn nhất khi được hiện thực hóa. Tuy nhiên, chính sách bất định của Trump khi xóa bỏ thỏa thuận này đã không thể tạo nên những đóng góp đáng kể và nhanh gọn hơn cho lợi ích của Mỹ và TPP bắt đầu mất dần chức năng.

Nằm giữa hai siêu cường, các quốc gia ASEAN có một số lựa chọn: chọn một bên, chọn cả hai bên hoặc tự xây dựng các cơ chế và trở thành các nước tiên phong của một thỏa thuận thương mại tự do thay thế bên cạnh TPP và RCEP. Trong ngắn hạn, lựa chọn thứ ba là rất khó khăn và hầu như là không thể. Do đó, trong vị trí hiện tại, các nước ASEAN sẽ tìm kiếm các thỏa thuận nhất định có khả năng thúc đẩy sự phát triển trong mỗi quốc gia. Tuy nhiên các nước này sẽ buộc phải chọn một hoặc cả hai phe.

Trong lĩnh vực quân sự, Mỹ và Trung Quốc vẫn đang đấu tranh để có được nhiều đồng minh hơn ở Đông Nam Á. Đặc biệt, các nước này muốn bảo vệ lợi ích an ninh quốc gia và nguồn cung tài nguyên từ khu vực này. Vấn đề nảy sinh là Trung Quốc đang xử lý tranh chấp Biển Đông với 4 nước ASEAN (Rowa, 2005: 414-436), trong khi Mỹ là quốc gia vẫn bị xem là không thể tôn trọng nguyên tắc không can thiệp vốn là nguyên tắc cốt lõi của các nước ASEAN, đặc biệt là trong

vấn đề dân chủ và nhân quyền (Mauzy và Job, 2007: 822-641). Cả hai nước dường như vẫn mâu thuẫn với phần lớn các nước ASEAN về vấn đề giữ ổn định và an ninh.

Mặc dù đôi khi khu vực này có những giai đoạn thăng trầm, các nước ASEAN vẫn tổ chức các hội nghị thượng đỉnh thường niên và đưa ra các thỏa thuận trong hầu hết các lĩnh vực, nhấn mạnh nguyên tắc không can thiệp, phương cách và các giá trị của ASEAN. Thêm vào đó, đặc trưng cơ bản của ASEAN là luôn chào đón đối thoại và trao đổi.

Bởi tầm quan trọng của khu vực và quyết tâm thống trị nền chính trị thế giới và bảo vệ lợi ích quốc gia, Mỹ và Trung Quốc đang cạnh tranh vị trí lãnh đạo trong khu vực thông qua hai nhân tố chính là: quân sự và kinh tế.

2. Phương pháp và Định nghĩa

Cuộc cạnh tranh thống trị Đông Nam Á giữa Mỹ và Trung Quốc đang tạo ra những xung đột mới, có nguy cơ đe dọa khu vực. Ví dụ, Biển Đông, vấn đề Rohingya, khủng bố và buôn lậu đang là những vấn đề cần được giải quyết để xây dựng một khu vực ổn định hơn. Sự hiện diện và can dự của Mỹ và Trung Quốc trong những vấn đề này được trông chờ sẽ mang lại hiệu quả thay vì khuấy động đi sai hướng và làm xấu tình hình. Nước nào có thể giải quyết những vấn đề trên nhiều khả năng giành được vị trí lãnh đạo trong cuộc đua giành ảnh hưởng ở Đông Nam Á.

Mục đích của nghiên cứu này là so sánh các chính sách của Trung Quốc và Mỹ để thống trị Đông Nam Á. Chúng tôi sử dụng định nghĩa về cạnh tranh vị trí lãnh đạo trong khu vực. Nghiên cứu về cạnh tranh vị trí lãnh đạo do Daniel Flemer và Thorsten Wojczewski (2010) đưa ra và phân loại thành các khía cạnh gồm:

1. Tài nguyên vật chất và tinh thần;
2. Các lợi ích chính sách đối ngoại;
3. Chiến lược của các cường quốc khu vực;
4. Chiến lược của các cường quốc hạng hai;
5. Tác động khu vực đến các cường quốc bên ngoài.

Bằng cách sử dụng khái niệm này, chúng tôi so sánh chính sách đối ngoại và nghiên cứu tác động của chính sách đối ngoại trong lĩnh vực kinh tế và quân sự. Thêm vào đó, chúng tôi cũng tìm hiểu phản ứng của các nước khu vực đối với hành động của các nước siêu cường trong khi so sánh sự lãnh đạo giữa Trung Quốc và Mỹ. Bài nghiên cứu đưa ra các câu hỏi chính như sau:

1. Điểm tương đồng và khác biệt giữa chính sách đối ngoại Mỹ và Trung Quốc đối với Đông Nam Á?
2. Tác động của chính sách đối ngoại tới vai trò lãnh đạo khu vực ở Đông Nam Á?

Bài nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích mô tả. Dữ liệu được thu thập từ các nguồn khác nhau gồm: tạp chí, sách và các thông tin đã được kiểm chứng từ các trang web trực tuyến. Chúng tôi sử dụng phương pháp này để mô tả một bức tranh toàn cảnh khi so sánh chính sách đối ngoại của Mỹ và Trung Quốc. Bài viết được chia làm hai phần: phần đầu mô tả sự tương đồng và khác biệt giữa chính sách đối ngoại của Mỹ và Trung Quốc tại Đông Nam Á, trong đó có các hành động chính sách. Phần thứ hai thảo luận về phản ứng của các nước khu vực với chính sách đối ngoại của Mỹ và Trung Quốc và vai trò lãnh đạo của các nước này trong khu vực.

3. So sánh Chính sách Đối ngoại của Mỹ và Trung Quốc

Cả hai quốc gia đang định hình chính sách đối ngoại theo cách thức khác nhau do mọi chính sách đối ngoại đều phụ thuộc vào lợi ích quốc gia. Trung Quốc đề ra mục tiêu đạt được vị thế siêu cường và mở rộng ảnh hưởng. Trung Quốc với vị thế là cường quốc mới nổi trong nền kinh tế toàn cầu tìm cách mở rộng ảnh hưởng chủ yếu thông qua cách tiếp cận kinh tế.

Thời kỳ Đặng Tiểu Bình có thể được mô tả bằng chính sách mở cửa với nền thương mại quốc tế và chính sách này cũng trở thành nguyên tắc cơ bản của chính sách đối ngoại Trung Quốc (Economy, 2010: 142-152). Giang Trạch Dân và Hồ Cẩm Đào cũng tăng tốc độ phát triển kinh tế thành công và thúc đẩy năng lực quân sự (Zheng và Tok, 2007). Cùng với chu kỳ phát triển, Tập Cận Bình tuy đối mặt với tốc độ phát triển kinh tế chậm trong thời kỳ lãnh đạo nhưng cùng thời điểm đó ông cũng duy trì vị thế siêu cường của Trung Quốc trong cả lĩnh vực kinh tế và quân sự. Chính sách đầu tư và thương mại của Trung Quốc với khẩu hiệu “Vươn ra toàn cầu” liên kết mạnh mẽ với chính sách đối ngoại của Trung Quốc nhằm mở rộng phạm vi ảnh hưởng trong nền chính trị thế giới. Ngoài ra, Trung Quốc còn thiết lập hệ thống cộng sản trong đó Đảng có vai trò quan trọng hơn trong định hình chính sách đối ngoại. Các quan chức cấp cao trong Đảng Cộng sản có vai trò quyết định trong chính sách đối ngoại. Ví dụ, Linda Jakobson và Ryan Manuel chỉ ra rằng Vương Hồ Ninh (Wang Huning) với vị trí là Chủ tịch Văn phòng Nghiên

cứu Đảng Cộng sản có địa vị cao hơn Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Vương (Linda Jakobson và Ryan Manuel, 2016: 103).

Cho tới thời điểm này, Trung Quốc vẫn không muốn chọn phe trong mọi cuộc xung đột toàn cầu. Thay vào đó, Trung Quốc tìm cách ủng hộ đồng minh của nước này và tránh can thiệp trực tiếp vào các cuộc xung đột. Với khái niệm trời dậy hòa bình, theo tinh thần châu Á và lịch sử đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, Trung Quốc đề cao chủ quyền và ưu tiên giải quyết vấn đề trực tiếp với các đối tác (Buzan, 2010). Người ta đưa ra một nền tảng mạnh mẽ lý giải nguyên nhân Trung Quốc theo đuổi chính sách đối ngoại không can thiệp. Năm 1954, Trung Quốc ký một thỏa thuận với Ấn Độ tuân thủ năm nguyên tắc chung sống hòa bình (Liên hợp quốc, 1958: 57-81). Năm nguyên tắc này là nền tảng cho hành vi của Trung Quốc trong chính sách đối ngoại gồm: (1) tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền của nhau; (2) không tấn công lẫn nhau; (3) không can thiệp vào các vấn đề nội bộ của nhau; (4) bình đẳng và hợp tác cùng có lợi; và (5) cùng chung sống hòa bình.

Những nguyên tắc này được áp dụng theo quy chuẩn và hiệu quả miễn là lợi ích của các nước đối tác phù hợp với lợi ích của Trung Quốc. Do đó, với những nguyên tắc trên, Trung Quốc có ý định tập trung nhiều hơn vào phát triển kinh tế và xã hội trong các thỏa thuận và quan hệ đối tác. Tuy nhiên, Trung Quốc cũng nâng cao sức mạnh quân sự bằng phát triển công nghệ và tăng chi tiêu quốc phòng (Waldron, 2005: 715-733).

Về khía cạnh kinh tế, Trung Quốc rõ ràng cần phát triển nhanh hơn, và nước này cần nhiều nguồn nguyên liệu thô để hỗ trợ nhu cầu phát triển của ngành công nghiệp sản xuất (Goldstein, Pinaud và Reisen, 2006). Do đó, Trung Quốc mở rộng tầm với, tìm kiếm đối tác thương mại hoặc các địa điểm sản xuất nguyên liệu thô mới để phục vụ nhu cầu công nghiệp.

Chiến lược mở rộng kinh tế và chính trị là thống nhất với khẩu hiệu “Vươn ra toàn cầu” bởi vì Trung Quốc không chỉ tìm kiếm các nguồn tài nguyên mới mà còn mở rộng thương mại và đầu tư ở phạm vi toàn cầu. Năng lực công nghiệp của Trung Quốc cần được nâng cấp và các doanh nghiệp của nước này phải có kinh nghiệm trong quản lý thương mại quốc gia ở cấp độ toàn cầu. Về mặt chính trị, nói một cách mềm dẻo, đây cũng là một cách tuyệt vời để mở rộng văn hóa và giá trị của Trung Quốc.

Với Mỹ, người ta tìm thấy nội dung chính sách đối ngoại tương tự nhưng theo một cách thức khác. Cách thức này phụ thuộc rất nhiều vào vai trò của người lãnh

đạo chính sách đối ngoại. Những thành viên Đảng Cộng hòa thường cương quyết và cố gắng lôi kéo nhiều bên chấp nhận hệ thống thể giới đơn phương Mỹ xây dựng. Năm nguyên tắc nổi bật trong chính sách đối ngoại của Đảng Cộng hòa là (Zoellick, 2000: 63-78):

1. Tôn trọng quyền lực;
2. Xây dựng và duy trì liên minh và đồng minh;
3. Coi các thỏa thuận và thể chế quốc tế là phương tiện giành được mục tiêu, không phải dưới hình thức một liệu pháp chính trị;
4. Tiến hành các thay đổi có tính cách mạng trong thông tin và truyền thông, công nghệ, thương mại và lĩnh vực tài chính có khả năng định hình môi trường chính trị và an ninh toàn cầu;
5. Công nhận sự tồn tại của các nước ma quỷ (evil) trên thế giới.

Các lãnh đạo của Đảng Cộng hòa cơ bản áp dụng các nguyên tắc nói trên và ngày nay Tổng thống Mỹ mới có thể theo đuổi những nguyên tắc này trong việc định hình chính sách đối ngoại của Mỹ. Mặt khác, Đảng Dân chủ vừa cứng rắn vừa mềm mại hơn nhưng họ có thể tập trung và gây tổn hại đối thủ của Mỹ hoặc trợ giúp đồng minh hiệu quả.

Từ nhiều mục tiêu chung trong chính sách đối ngoại, Mỹ chỉ có hai đạo luật đặc biệt gồm đạo luật kiểm soát xuất khẩu (export control act) và đạo luật viện trợ nước ngoài (foreign assistance act). Trong đạo luật viện trợ nước ngoài, Mỹ với tư cách là quốc gia phát triển hỗ trợ quá trình phát triển của các quốc gia chậm phát triển và đang phát triển. Mỹ cũng xây dựng hình ảnh ngoại giao tích cực và nỗ lực phổ biến giá trị Mỹ và châu Âu tới thế giới. Học giả Mỹ Joseph Nye, người đưa ra thuật ngữ sức mạnh mềm đã nhấn mạnh tầm quan trọng của chính sách ngoại giao Mỹ. Ông lập luận rằng sức mạnh mềm có thể đạt được thông qua hình thức đối đãi đặc biệt là hỗ trợ ngoại giao. Dưới thời chính quyền Obama, Hillary Clinton phổ biến thuật ngữ sức mạnh thông minh, tức loại hình sức mạnh kết hợp sức mạnh cứng và sức mạnh mềm để đạt được lợi ích quốc gia. Ví dụ, từ năm 1995 tới 2005, Mỹ giành hơn 1 tỷ USD viện trợ cho Hàn Quốc để thực thi đạo luật viện trợ nước ngoài và ngăn xung đột leo thang tại bán đảo Triều Tiên (Manyin, 2005).

Đạo luật kiểm soát vũ khí là một nhân tố chủ chốt trong quy định hoạch định chính sách đối ngoại. Lợi ích từ ngành công nghiệp vũ khí của Mỹ có vai trò quan trọng trong việc giữ ổn định ở Trung Đông và bất cứ khu vực nào khác. Mỹ cũng quyết tâm đặt và triển khai quân đội Mỹ để duy trì thế giới ổn định. Hoạt động liên

quan đến vũ khí bao gồm quản lý xuất khẩu cũng phải phục vụ lợi ích của Mỹ bởi vũ khí có vai trò quyết định khu vực nào ổn định và khu vực nào không. Ví dụ, Mỹ áp đặt lệnh cấm vận vũ khí lên Indonesia từ năm 2000-2006 bởi sau Vụ Đông Timor, Indonesia đã không bảo vệ quyền con người và các giá trị dân chủ (Lanti, 2006: 93-110).

Kiểm soát vũ khí hạt nhân cũng được nhấn mạnh trong chính sách đối ngoại của Mỹ. Để giữ thế giới ổn định, số lượng đầu đạn hạt nhân được cắt giảm để tránh chiến tranh hạt nhân. Hạn chế những vũ khí này là cách Mỹ kiểm soát các nước khác không can dự vào một cuộc xung đột có tính chất hủy diệt trong vấn đề an ninh toàn cầu.

Chính sách đối ngoại của Mỹ cũng có đặc trưng riêng biệt với vị thế là siêu cường chính trị và quân sự. Từ Truman, Johnson tới chính quyền Bush, Mỹ luôn có một học thuyết rõ ràng và đặc thù cho chính sách đối ngoại (Merril, 2006: 27-37). Môi trường hoặc các khu vực xung quanh Mỹ có tầm quan trọng về mặt địa lý, được coi là phương tiện tạo ra ảnh hưởng chính trị. Mỹ có mọi thứ để củng cố an ninh quốc gia, đặc biệt là lãnh thổ quốc gia. Theo logic này, mọi quốc gia phải tôn trọng những học thuyết đối ngoại này. Mỹ nỗ lực kiềm chế các quốc gia theo đuổi chính sách được nhìn nhận là rào cản đối với chính sách đối ngoại của Mỹ. Ví dụ, chính sách kiềm chế do George F. Kennan năm 1967 đưa ra đã kiềm chế thành công Liên Xô và dẫn tới sự sụp đổ của Liên Xô năm 1991.

Gần đây, chính sách đối ngoại dưới thời Trump cứng rắn hơn; Mỹ không lưỡng lự và có những hành động trực tiếp, đặc biệt là khi giải quyết chủ nghĩa khủng bố xuyên quốc gia (CNN, 4/12/2015). Do đó, dưới thời Donald Trump, thế giới này dường như biến chuyển nhanh hơn, dễ thay đổi và bất định hơn. Vì vậy, căn cứ vào thực tế này, Trump có khả năng sẽ quyết đoán trong mọi quyết định chính sách để thúc đẩy tiếng tăm của ông và bảo vệ các lợi ích của Mỹ. Chính quyền Trump phải có chính sách đối ngoại khôn khéo với Trung Quốc và Nga bởi những quốc gia này là các chủ thể chính có vai trò quyết định ở Trung Đông và châu Á.

Sau Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu (2008-2009), Mỹ phải nâng cao và khắc phục hệ thống kinh tế đang tồn tại nhiều bất cập. Chiến lược cải thiện nền kinh tế toàn cầu của Mỹ bao gồm việc xây dựng các trung tâm công nghiệp mới (Thung lũng Silicon) và các cuộc cải cách để tái thiết nền công nghiệp tài chính và sản xuất bị cuộc khủng hoảng tác động mạnh nhất. Mặc dù cần hành động, chính

quyền Trump lại rút khỏi Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP) để bảo vệ các công nhân Mỹ trước lao động nước ngoài giá rẻ, và thỏa thuận này có lẽ sẽ có hiệu lực sau khi chính sách của Trump đổi chiều. Ngày nay, trong chiến lược phát triển kinh tế của Mỹ trong nền thương mại quốc tế, Trump muốn hiện thực hóa thỏa thuận thương mại song phương hơn là đa phương như TPP (Coles, 2017: 24).

4. So sánh Năng lực của Trung Quốc và Mỹ

Trung Quốc và Mỹ có lợi thế là thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Đây là một vị thế chủ chốt giúp các nước này kiểm soát cục diện chính trị quốc tế. Các thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có quyền phủ quyết các nghị quyết có nguy cơ gây tổn hại lợi ích của các nước này hoặc của đồng minh. Theo cách này, Mỹ và Trung Quốc sở hữu nhiều sức mạnh mặc cả và có thể củng cố nền công nghiệp vũ khí thông qua cung cấp hạ tầng và quân đội cho các đồng minh đặc biệt là trong lĩnh vực an ninh.

Khi so sánh chính sách đối ngoại hoặc hành động ở Đông Nam Á của Mỹ và Trung Quốc, việc so sánh năng lực của hai nước này ở Đông Nam Á là điều cần thiết. Mỹ và Trung Quốc là hai nhân tố quan trọng nhất tác động tới các động lực, chính sách, các vấn đề quân sự và nền kinh tế khu vực.

Về khía cạnh quân sự, cả Mỹ và Trung Quốc đang triển khai quân đội trên quy mô lớn ở khu vực Đông Nam Á và sử dụng chiến lược răn đe tại các nước khu vực. Khi thảo luận các vấn đề an ninh, những phân tích, tính toán phải tính đến chi phí và cơ hội. Do đó điều cần thiết là cần phải phân tích và so sánh vấn đề lĩnh vực quân sự của Mỹ và Trung Quốc.

Trung Quốc cũng quan tâm tới việc trở thành cường quốc hùng mạnh nhất thế giới về quân sự. Quân đội lớn nhất thế giới (tổng số binh lính sẵn sàng tác chiến) và chủ nghĩa bành trướng của Trung Quốc đòi hỏi phải được duy trì và để bảo vệ lãnh thổ, Trung Quốc phải chuẩn bị mọi bước đi để giành được lợi ích quốc gia. Năm 2017, Trung Quốc tăng ngân sách quân sự lên tới 7%, mức tăng lớn thứ hai trong ngân sách quốc gia, sau Mỹ (10%) năm 2017 (BBC News, 4/3/2017).

Để giành được những mục tiêu này, Trung Quốc đã tăng cường năng lực và chất lượng quân đội. Trung Quốc cũng có thể triển khai thêm nhiều lực lượng quân đội ra bên ngoài lãnh thổ hơn, đặc biệt là để bảo vệ lợi ích của Trung Quốc ở Biển Đông (ABC News, 28/3/2017). Sự hiện diện quân đội Trung Quốc là nhằm răn đe

các bên đi quá lợi ích của Trung Quốc. Trong tranh chấp Biển Đông, lợi ích chính của Trung Quốc là tạo ra các đảo nhân tạo và biến các đảo này trở thành một phần lãnh thổ không thể tách rời của Trung Quốc. Việc bảo vệ các vùng đất mới được tôn tạo được coi là một nhiệm vụ quân sự.

Bảng 1 So sánh Năng lực Quân sự

Lĩnh vực	Trung Quốc	Mỹ
Quân nhân sẵn sàng phục vụ nghĩa vụ quân sự	Độ tuổi nam 16-49: 385.821.101	Độ tuổi nam 16-49: 73.270.043
	Độ tuổi nữ 16-49: 363.789.674 (2010)	Độ tuổi nữ 16-49: 71.941.969 (2010)
	Quân nhân phù hợp với nghĩa vụ quân sự	Độ tuổi nam 16-49: 318.265.016
	Độ tuổi nữ 16-49: 300.323.611 (2010)	Độ tuổi nữ 16-49: 59.401.941 (2010)
Người đủ tuổi phục vụ nghĩa vụ quân sự hàng năm	Nam: 10.406.544	Nam: 2.161.727
	Nữ: 9.131.990 (2010)	Nữ: 2.055.685 (2010)
Chi tiêu quân sự tính theo phần trăm GDP	1,99% GDP (2012)	4,35% GDP (2012)

Nguồn: <http://www.indexmundi.com/factbook/compare/china.unitedstates/military>

Sau Thế chiến thứ II, Mỹ trở thành cường quốc quân sự toàn cầu. Cụm từ “kẻ chiến thắng có tất cả” thường được sử dụng để mô tả vai trò của Mỹ trong chính trị quốc tế. Để duy trì hòa bình và trật tự thế giới, Mỹ, Liên Xô và Anh thành lập Liên hợp quốc năm 1945. Sau đó, Mỹ, Nga, Trung Quốc, Pháp và Anh là thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc với vai trò không thể thay thế trong việc quyết định hòa bình hoặc xung đột thế giới.

Hạt nhân là vũ khí quan trọng nhất của quân đội Mỹ. Mỹ sử dụng loại vũ khí này để đánh bại Nhật Bản. Trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, cuộc chạy đua vũ khí hạt nhân là nhân tố chi phối trong cuộc cạnh tranh quân sự. Cuộc đua này gây nên tình trạng bế tắc giữa Mỹ và Liên Xô và thế giới hai cực. Là chủ nhân của kho vũ

khí hạt nhân lớn thứ hai thế giới, Mỹ có thể sử dụng các đồng minh để kiềm chế bước đi của đối thủ của mình Cục diện này mang lại sức mạnh mặc cả cho Mỹ để giành được lợi ích quốc gia. Cho đến nay, Mỹ đang phát triển công nghệ hải quân, không quân, lục quân hiện đại và tinh vi.

Ở Đông Nam Á, Mỹ có căn cứ quân sự ở Philippines và Nhật Bản. Thêm vào đó, do là đồng minh thân cận của Anh, quân đội của Mỹ cũng có được sự ủng hộ mạnh mẽ từ Singapore. Ngoài ra, Mỹ cũng triển khai hải quân ở Lãnh thổ Bắc Úc. Về mặt địa chính trị, đây là lợi thế chiến lược của Mỹ vì Mỹ có đồng minh và đòn bẩy trong khu vực. Bao vây mục tiêu là một biện pháp rất hiệu quả để kiềm chế đối tượng mở rộng vùng ảnh hưởng.

Trung Quốc và Mỹ là hai nền kinh tế lớn nhất trên thế giới. Cả Trung Quốc và Mỹ có nền sản xuất và thị trường khổng lồ. Cả hai quốc gia có thể là đối tác hoặc đối thủ trong thương mại quốc tế. Quan hệ đối tác thể hiện ở chỗ những phát minh trong nền sản xuất trên thế giới là thành quả của quan hệ đối tác Mỹ - Trung Quốc. Mỹ chuyên môn hóa phát minh và sáng tạo sản phẩm trong khi Trung Quốc là nhà sản xuất giá rẻ và thực hiện chiến lược xúc tiến thị trường. Ví dụ, các sản phẩm Apple được sản xuất ở Trung Quốc nhưng sáng chế, ý tưởng và thiết kế tới từ Mỹ thông qua một công ty Đài Loan. Mặc dù thực tế như vậy, Trump yêu cầu Apple và các công ty Mỹ khác chuyển địa điểm từ Trung Quốc tới Mỹ (Fortune, 17/11/2016). Bảng 2 thể hiện so sánh sức mạnh kinh tế của Mỹ và Trung Quốc.

Tuy vậy, quan hệ Mỹ - Trung cũng tồn tại những mâu thuẫn. Gần đây, chính quyền Trump công bố tăng thuế nhập khẩu với Trung Quốc lên 45%. Nguyên nhân là do Mỹ chịu thâm hụt thương mại với Trung Quốc (Reuters, 24/11/2016). Trump cũng ám chỉ rằng Trung Quốc sẽ có lợi thế hơn khi vấn đề Triều Tiên được giải quyết (The New York Times, 11/4/2017). Những thay đổi chính sách đối ngoại nhanh chóng có thể thay đổi quan hệ Mỹ - Trung và gián tiếp tác động tới các tương tác của khu vực.

Tại Trung Quốc, mục tiêu phát triển kinh tế được gắn trong Hai mục tiêu trăm năm (Two 100s), và cả hai được kết nối với các sự kiện lịch sử: mục tiêu năm 2021 trở thành xã hội khá giả gắn với cột mốc 100 năm thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc; mục tiêu 2049 là nước phát triển toàn diện, gắn kết với sự kiện 100 năm ra đời nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (Kuhn, 2013). Để đạt được những mục tiêu này, Trung Quốc đã trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới và cơ sở sản xuất lớn nhất thế giới. Thị trường trong nước cũng đang đóng vai trò nền tảng trong

chiến lược phát triển kinh tế của Trung Quốc do nước này hiện là thị trường tiêu thụ tăng trưởng nhanh nhất thế giới.

Đông Nam Á là trung tâm cho sự phát triển kinh tế của Trung Quốc, đây là lý do khu vực này là mối quan tâm chính của Trung Quốc. Do đó, Trung Quốc phải giữ khu vực này ổn định và kiểm soát nó. Đặc biệt, Trung Quốc cũng có lợi ích phát triển kinh tế ở Biển Đông. Những lợi ích ở Đông Nam Á và Biển Đông phù hợp với khẩu hiệu “Vươn ra toàn cầu” của Trung Quốc. Biển Đông có vai trò quyết định tới sự phát triển kinh tế của Trung Quốc trong tương lai bởi lẽ vị trí địa lý của Biển Đông có tầm quan trọng chiến lược trong việc vận chuyển hàng hóa từ Trung Quốc tới châu Á và châu Phi. Thêm vào đó, Biển Đông cũng có khả năng chứa lượng lớn nguồn tài nguyên thiên nhiên và các nguồn tài nguyên này cũng sản sinh ra nhiều nguồn thu nhập hơn cho nền kinh tế Trung Quốc bên cạnh ngành dịch vụ, theo đó đóng vai trò trung tâm kết nối Trung Quốc và Đông Nam Á (Buszynski, 2012: 139-156).

Bảng 2 So sánh sức mạnh kinh tế giữa Mỹ và Trung Quốc theo quy mô GDP, thành phần của GDP, các Đối tác Xuất khẩu và Nhập khẩu

	Trung Quốc	Mỹ
GDP	9,33 nghìn tỷ USD (2013)	16,72 nghìn tỷ USD (2013)
Thành phần của GDP	Tiêu thụ theo hộ gia đình: 36,3%	Tiêu thụ theo hộ gia đình: 68,6%
	Tiêu dùng chính phủ: 13,7%	Tiêu dùng chính phủ: 18,6%
	Đầu tư vào vốn cố định: 46%	Đầu tư vào vốn cố định: 15,3%
	Đầu tư vào phát minh: 1,2%	Đầu tư vào phát minh: 0,4%
	Xuất khẩu các hàng hóa và dịch vụ: 25,1%	Xuất khẩu các hàng hóa và dịch vụ: 13,4%
	Nhập khẩu vào hàng hóa và dịch vụ: -22,2% (2013).	Nhập khẩu vào hàng hóa và dịch vụ: -16,3% (2013).
Các đối tác Nhập khẩu và Xuất khẩu	Đối tác nhập khẩu: Hàn Quốc 9,4%, Nhật Bản 8,3%, Đài Loan 8%, Mỹ 7,8%, Úc 5%, Đức 4,8% (2013)	Đối tác nhập khẩu: Trung Quốc 19%, Canada 14,1% Mexico 12%, Nhật Bản 6,4% Đức 4,7% (2012)
	Đối tác xuất khẩu: Hồng Kông 17,4%, Mỹ 16,7%, Nhật Bản 6,8%, Hàn Quốc 4,1% (2013)	Đối tác xuất khẩu: Canada 18,9%, Mexico 14%, Trung Quốc 7,2%, Nhật Bản 4,5% (2012)

Nguồn: <https://www.indexmundi.com/factbook/compare/china.united-states/military>

Là lĩnh vực công nghiệp lớn nhất, nền sản xuất của Trung Quốc cần các thị trường lớn hơn để bán sản phẩm và cần nguyên liệu thô để cung cấp cho ngành quản lý sản xuất đang phát triển. Đây là lý do Trung Quốc đề xuất một số thỏa thuận thương mại tự do với các nước ASEAN, các nước Đông Á, Úc và New Zealand. Với ASEAN, Trung Quốc thiết lập thương mại tự do năm 2010. Đông Nam Á, khu vực mới nổi và đầy triển vọng có vai trò then chốt trong kế hoạch phát triển kinh tế của Trung Quốc. Vì vậy, Trung Quốc đưa ra chiến lược Một vành đai Một con đường ở ASEAN để tăng cường kết nối và thúc đẩy thương mại giữa Trung Quốc và các nước ASEAN (Rana và Chia, 2014). Kết nối là mục tiêu then chốt trong chương trình nghị sự nhằm tăng cường ảnh hưởng của Trung Quốc. Kết nối sẽ không chỉ giới hạn giữa các nước ASEAN mà còn có thể tăng cường thương mại giữa Trung Quốc với các nước ASEAN. Do đó, hình ảnh của Trung Quốc có thể trở nên tích cực hơn, phù hợp với khẩu hiệu “Vươn ra toàn cầu”.

Mặc dù nền kinh tế của Mỹ bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008, Mỹ vẫn là nền kinh tế lớn nhất trên thế giới nếu xét về GDP. Không ngạc nhiên khi các phát minh và sức mạnh mua sắm là nhân tố then chốt cho tốc độ phát triển kinh tế của Mỹ (xem giá trị thặng dư do Thung lũng Silicon tạo ra). Ngoài ra, năng lượng đá phiến mới tìm thấy có thể là nguồn cung năng lượng chủ yếu của Mỹ và những phát hiện này đang làm gián đoạn nguồn cung dầu truyền thống do chi phí thấp và sản lượng lớn. Tuy vậy phát hiện này cũng có thể tạo ra những tổn thương (Brown, 2013). Nền công nghiệp tài chính lớn nhất và nguồn ngoại tệ then chốt trên thế giới giúp nền kinh tế Mỹ giành được ảnh hưởng toàn cầu, đây cũng là lý do giải thích sự phục hồi nhanh chóng của Mỹ sau khủng hoảng tài chính năm 2008.

Ở Đông Nam Á, Mỹ chủ yếu quan tâm tới việc bảo vệ các khoản đầu tư và chuyển nhượng đã được thiết lập để củng cố nền kinh tế Mỹ. Singapore, Malaysia và Thái Lan là điểm đến mà Mỹ đầu tư mạnh trong những thập kỷ gần đây. Công ty Mỹ sở hữu quyền chuyển nhượng mỏ vàng lớn nhất thế giới ở Tembagapura, Papua, Indonesia. Đối với thương mại quốc tế, Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP) do Mỹ khởi xướng lẽ ra có thể cắt giảm rào cản thương mại giữa Mỹ và các nước Đông Nam Á. Tuy vậy, sự kiện Trump rút khỏi TPP có thể đánh dấu một sự thay đổi chính sách. Mỹ cũng cần sự đảm bảo về an toàn và giá cả khi các tàu chở hàng của nước này tới Biển Đông và qua Eo biển Malacca để hỗ trợ cung cấp hàng

hóa tới Trung Đông, Nam Á và châu Âu. Vì vậy ý định của Mỹ ở Biển Đông, vùng biển không một quốc gia nào có thể độc quyền kiểm soát, là để duy trì tự do hàng hải.

5. Chính sách của các nước khu vực với Mỹ và Trung Quốc

Lãnh đạo là một khía cạnh quan trọng với tốc độ phát triển và mức độ ổn định của hội nhập khu vực. Một điều không thể bỏ qua là các cường quốc toàn cầu có khả năng ảnh hưởng sâu sắc tới việc định hình các tương tác trong khu vực. Lãnh đạo của khu vực có thể là một thành viên trong khối hoặc cường quốc bên ngoài có khả năng tác động đáng kể tới sự phát triển của khu vực.

Đông Nam Á là một khu vực mới trỗi dậy, có điều kiện ổn định và tốc độ phát triển kinh tế tích cực. Khi cân nhắc khía cạnh chính trị và kinh tế, khu vực này sẽ là một trung tâm phát triển toàn cầu mới. Nhờ sự ra đời của ASEAN năm 1967, mức độ ổn định và tốc độ hội nhập khu vực đã đạt được bước phát triển mới. Các quốc gia sáng lập của ASEAN – Thái Lan, Indonesia, Singapore, Malaysia và Philippines – là các nhân tố nổi trội trong sự phát triển khu vực và đã trở thành các chủ thể có tầm ảnh hưởng tới chính trị khu vực. Thêm vào đó, các thành viên mới cũng được ghi nhận về phát triển kinh tế và ổn định chính trị.

Các nước khu vực cũng phản ứng lại các hành động của Mỹ và Trung Quốc trong khu vực. Là các cường quốc toàn cầu, cả Mỹ và Trung Quốc tích cực thúc đẩy các nước Đông Nam Á tham gia chính sách của họ. Trong quá trình tìm kiếm các liên minh chính trị, hai nước theo đuổi các cách tiếp cận khác nhau để giải quyết các vấn đề kinh tế và chính trị. Cuộc cạnh tranh chính trị này giữa Mỹ và Trung Quốc sẽ tạo ra những xáo trộn đối với ổn định khu vực. Tuy nhiên, các quốc gia có chủ quyền ở Đông Nam Á có thể chọn đi theo một trong hai quốc gia để đạt được các lợi ích của mình.

Các vấn đề chủ chốt trong khu vực hiện nay là (1) tranh chấp Biển Đông liên quan tới bảy nước và hội nhập kinh tế khu vực và (2) kết nối quyết định nền kinh tế khu vực trong tương lai. Trọng tâm trong tranh chấp Biển Đông liên quan tới ổn định khu vực và khu vực vận tải quốc tế, vốn có vai trò quan trọng với sự phát triển khu vực. Trong khi đó, hội nhập kinh tế khu vực bao gồm thỏa thuận thương mại tự do sẽ quyết định sự phát triển trong tương lai của khu vực. Hội nhập kinh tế khu vực được kỳ vọng có thể giảm khoảng cách phát triển giữa Campuchia, Myanmar, Lào (CML) và các quốc gia Đông Nam Á, đẩy mạnh kết nối và thúc đẩy các nền kinh tế.

Ở Biển Đông, sự đối đầu giữa Trung Quốc và Mỹ vẫn trong tình trạng hòa dịu và chưa đối mặt với những nguy cơ cao. Tuy nhiên, tranh chấp với Philippines đã leo thang tới tranh chấp luật pháp quốc tế, cụ thể là Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển (UNCLOS). Mặc dù quân đội của Trung Quốc cấm ngư dân tiến hành các hoạt động đánh bắt trong các dự án cải tạo của Trung Quốc tại các khu vực tranh chấp, yêu sách của Trung Quốc là không hợp pháp và không được luật pháp quốc tế công nhận.

Hành động này để lại những hậu quả, đặc biệt là tới cách thức các nước Đông Nam Á đối phó với Trung Quốc. Biển Đông đóng vai trò trụ cột trong ổn định khu vực và phát triển kinh tế. Khi Biển Đông ổn định, phần lớn khu vực cũng hòa bình. Do đó, các nước Đông Nam Á sử dụng cơ chế khu vực là ASEAN để thiết lập bộ quy tắc ứng xử ở Biển Đông với Trung Quốc và Đài Loan để ngăn ngừa các xung đột lớn hơn. Với hành động đó, các nước Đông Nam Á ít nhất có thể kiềm chế Trung Quốc tiến hành các bước đi có tính chất phá hủy ở Biển Đông.

Để ứng phó với mức độ dễ bị tổn thương và bất định cao trên biển, Mỹ cố gắng can thiệp bằng cách ủng hộ đồng minh và triển khai quân đội trong khu vực. Điều này có khả năng gây ra căng thẳng và lôi kéo nhiều bên vào tranh chấp này. Tuy nhiên sự tích cực của Mỹ khi can dự vào vấn đề này có hai động cơ. Thứ nhất, Mỹ muốn cho thấy sự hiện diện của nước này ở khu vực. Thứ hai, sự ủng hộ của Mỹ cho thấy khả năng Mỹ hỗ trợ các nước khu vực. Sự tồn tại này rất quan trọng bởi nó chứng minh rằng Mỹ có khả năng và sẵn lòng kiềm chế Trung Quốc ở Biển Đông. Thứ hai, để giành được sự ủng hộ của các nước khu vực, Mỹ phải chống lại các bước đi của Trung Quốc để duy trì cân bằng sức mạnh trong khu vực.

Từ trường hợp này, có thể thấy rằng phản ứng của các nước Đông Nam Á là khác nhau. Sự khác biệt này có thể gây ra tình trạng phân ly trong ASEAN do các nước phải chọn phe, ủng hộ Trung Quốc hay không. Quốc gia có chung lợi ích với Trung Quốc là Campuchia. Trong mọi cuộc họp chính thức về Biển Đông, Campuchia nhấn mạnh nguyên tắc không can thiệp và phản đối thảo luận về phản ứng với hành động của Trung Quốc ở Biển Đông. Trong hệ thống ASEAN, giải pháp phải đạt được bằng đồng thuận. Cho đến nay, ASEAN có thể chỉ đạt được một thỏa thuận dưới hình thức bộ quy tắc ứng xử ở Biển Đông với Trung Quốc để giải quyết vấn đề. Trong trường hợp này, các hành động bá quyền của Trung Quốc và Mỹ ở Biển Đông đã chia rẽ các nước Đông Nam Á và không có siêu cường nào có thể giành được sự ủng hộ đầy đủ từ các nước khu vực.

Trong lĩnh vực kinh tế, Thỏa thuận Thương mại Tự do Trung Quốc – ASEAN được ký năm 2002 và có hiệu lực năm 2010 nhưng chỉ bao gồm thỏa thuận thương mại giữa Trung Quốc và các nước ASEAN. Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) vẫn đang trong quá trình đàm phán. RCEP thực tế hơn TPP kể từ khi Mỹ rút khỏi TPP năm 2017. Đây là lợi thế rõ ràng cho Trung Quốc để đạt được hội nhập kinh tế toàn diện ở Đông Nam Á.

Trung Quốc có vai trò lãnh đạo mạnh mẽ với các động lực khu vực ở Đông Nam Á. Chương trình mà Trung Quốc đề xuất mang tính thực tiễn với các nước Đông Nam Á, chủ yếu là Một vành đai Một con đường và RCEP. Tuy nhiên, trong tranh chấp Biển Đông, Trung Quốc sẽ đối mặt với nhiều phản đối và thách thức từ các nước ASEAN do tầm quan trọng của Biển Đông đối với sự phát triển và ổn định khu vực. Mặt khác, Mỹ dù có vai trò then chốt là cường quốc lớn nhất cả về quân sự, chính trị và kinh tế trong khu vực nhưng nước này không thể thúc đẩy vai trò lãnh đạo trong khu vực. Bởi lẽ Mỹ phải giải quyết các vấn đề trong nước trước tiên và không trực tiếp có quyền tiếp cận tranh chấp Biển Đông. Trong khía cạnh kinh tế, Mỹ không có bất cứ sự lựa chọn nào để cạnh tranh với RCEP sau khi rút khỏi TPP. Do đó, trong thời gian gần đây, Trung Quốc có nhiều lợi thế hơn trong việc giành được ảnh hưởng trong khu vực miễn là Trung Quốc duy trì khu vực ổn định và thịnh vượng.

Chú thích

* Affabile Rifawan, Thạc sĩ Khoa học (Kinh tế học, Đại học Padjadjaran), là giảng viên và nghiên cứu viên của Khoa Quan hệ quốc tế, Đại học Padjadjaran, Indonesia. Trọng tâm nghiên cứu của ông là lãnh đạo toàn cầu, nghiên cứu an ninh và nền kinh tế chính trị. Phạm vi giảng dạy là Phát triển Quốc tế, Quan hệ Quốc tế ở Mỹ và Phương pháp Định lượng. (Email: a.rifawan@unpad.ac.id).

** Novi Amelia, Thạc sĩ Khoa học Quản lý (Viện Công nghệ Bandung), là giảng viên trường Quản lý và Kinh doanh, Viện Công nghệ Bandung. Trọng tâm nghiên cứu và phạm vi giảng dạy là xúc tiến thị trường và chiến lược kinh doanh. (Email: novil.amelia@sbm-itb.ac.id).

Bài viết được đăng trên Contemporary Chinese Political Economy and Strategic Relations: An International Journal.

Nguyễn Thị Linh (dịch)

Trần Quang (hiệu đính)

Tài liệu tham khảo

- ABC News* (28/3/2017). South China Sea: Beijing can deploy military assets on islands anytime, US think tank says. <<http://www.abc.net.au/news/2017-03-28/china-military-construction-on-artificial-islands-nearlycomplete/8393488>> (truy cập ngày 15/4/2017).
- Acharya, Amitav (2014). *Constructing a security community in Southeast Asia: ASEAN and the problem of regional order*. 3rd edition. Abingdon, Oxon: Routledge.
- BBC News* (4/3/2017). China to increase military spending by 7% in 2017. <<http://www.bbc.com/news/world-asia-china-39165080>> (truy cập ngày 15/4/2017).
- Brown, Stephen P.A. and Mine K. Yucel (2013). The shale gas and tight oil boom: U.S. states' economic gains and vulnerabilities. *CFR newsletters*, 15/10/2013. New York, NY, and Washington, DC: Council on Foreign Relations. <<http://www.cfr.org/united-states/shale-gas-tight-oil-boom-us-states-economic-gains-vulnerabilities/p31568>> (truy cập 15/4/2017).
- Buzan, Barry (2010). China in international society: Is 'peaceful rise' possible? *The Chinese Journal of International Politics*, Vol. 3, Issue 1, tr. 5-36.
- Buszynski, Leszek (2012). The South China Sea: Oil, maritime claims, and USChina strategic rivalry. *The Washington Quarterly*, Vol. 35, Issue 2, tr. 139-156.
- Chomsky, Noam (1991). After the Cold War: US foreign policy in the Middle East. *Jewish Quarterly*, Vol. 38, Issue 1, ptr. 9-19.
- CNN* (2015, December 4). Donald Trump dodges specifics on killing terrorist families. (Reported by Jeremy Diamond.) <<http://edition.cnn.com/2015/12/03/politics/donald-trump-dodges-questions-terrorist-families/>> (truy cập 15/4/2017).
- Coles, T. J. (2017). *President Trump, Inc.: How big business and neoliberalism empower populism and the far-right*. West Hoathly, West Sussex: Clairview Books.

- Economy, Elizabeth C. (2010). The game changer: Coping with China's foreign policy revolution. *Foreign Affairs*, Vol. 89, No. 6, tháng 11/12, tr. 142-152.
- Foreign Affairs House Committee (Washington, DC). Jurisdiction. <<https://foreignaffairs.house.gov/jurisdiction/>> (truy cập 15/4/2017).
- Flemes, Daniel and Thorsten Wojczewski (2010). Contested leadership in international relations: Power politics in South America, South Asia and Sub-Saharan Africa (4/2/2010). *GIGA Working Paper* No 121. Hamburg: German Institute of Global and Area Studies. Xem tại SSRN: <<https://ssrn.com/abstract=1547773>> hoặc <<http://dx.doi.org/10.2139/ssrn.1547773>>.
- Fortune* (17/11/2016). Apple Is reportedly exploring iPhone production in the U.S. (Reported by Don Reisinger). <<http://fortune.com/2016/11/17/apple-iphone-production-2/>> (truy cập 15/4/2017).
- Fukuyama, Francis (2006). *The end of history and the last man*. New York: Simon and Schuster.
- Gaiser, Laris and Igor Kovač (2012). From bipolarity to bipolarity: International relations repeating again. *Journal of Global Policy and Governance*, Vol. 1, Issue 1, tr. 49-63.
- Goldstein, Andrea, Nicolas Pinaud and Helmut Reisen (2006). The rise of China and India: What's in it for Africa? *OECD Development Centre Policy Insights*, 1/5/2006. <http://www.oecd-ilibrary.org/development/the-riseof-china-and-india_246616177271> (truy cập 15/4/2017).
- Goh, Evelyn (2005). Meeting the China challenge: The U.S. in Southeast Asian regional security strategies. *Policy Studies*, No. 16. Washington, D.C.: East-West Center.
- Huntington, Samuel P. (1997). *The clash of civilizations and the remaking of worldorder*. New Delhi: Penguin Books India.
- Index Mundi*. China vs. United States. <<http://www.indexmundi.com/factbook/compare/china.united-states/military>> (truy cập 15/4/2017).
- Jakobson, Linda and Ryan Manuel (2016). How are foreign policy decisions made in China? *Asia & the Pacific Policy Studies*, Vol. 3, No. 1, tr. 98107.

- Jeffrey, James F. and Michael Eisenstadt (2016). US military engagement in the broader Middle East. *Policy Focus* 143, Spring. Washington, D.C.: The Washington Institute for Near East Policy.
- Kuhn, Robert Lawrence (2013). Xi Jinping's Chinese Dream. *The New York Times* (Op-ed), 4/6/2013 <<http://www.nytimes.com/2013/06/05/opinion/global/xi-jinpings-chinese-dream.html?pagewanted=all&r=0>> (truy cập 15/4/2017).
- Lanti, Irman G. (2006). Indonesia: Accomplishments amidst challenges. *Southeast Asian Affairs*, 2006, tr. 93-110.
- Manyin, Mark. E. (2005). U.S. assistance to North Korea. *CRS Report for Congress*, Order Code RL31785. Updated April 26, 2005. Washington, D.C.: Congressional Research Service, The Library of Congress. <<https://www.globalsecurity.org/military/library/report/crs/47101.pdf>> (truy cập 15/4/2017).
- Mauzy, Diane. K., and Brian L. Job (2007). U.S. policy in Southeast Asia: Limited re-engagement after years of benign neglect. *Asian Survey*, Vol. 47, No. 4, tháng 7/8, tr. 622-641.
- Merrill, Dennis (2006). The Truman Doctrine: Containing communism and modernity. *Presidential Studies Quarterly*, Vol. 36, Issue 1, tr. 27-37.
- Narine, Shaun (2002). *Explaining ASEAN: Regionalism in Southeast Asia*. Boulder (Colorado) and London: Lynne Rienner Publishers.
- Rana, Pradumna B. and Wai-Mun Chia (2014). The revival of the Silk Roads (land connectivity) in Asia. *RSIS Working Paper*, No. 274, 12/5/2014. Singapore: S. Rajaratnam School of International Studies, Nanyang Technological University.
- Reuters (2016, November 24). China will defend WTO rights if Trump moves on tariffs: official. (Reported by David Lawder.) <<http://www.reuters.com/article/us-usa-china-trade-idUSKBN13I2DO>> (truy cập 15/4/2017).
- Rowan, Joshua P. (2005). The U.S.-Japan security alliance, ASEAN, and the South China Sea dispute. *Asian Survey*, Vol. 45, No. 3, tháng 5/6, tr. 414-436.
- The New York Times* (2017, April 11). Trump says China will get better trade deal if it solves 'North Korean problem'. (Reported by Mark Landler.) <<http://www.nytimes.com/2017/04/11/us/politics/trump-china-trade.html>> (truy cập 15/4/2017).

[ps://www.nytimes.com/2017/04/11/world/asia/trump-china-trade-north-korea.html?_r=0](https://www.nytimes.com/2017/04/11/world/asia/trump-china-trade-north-korea.html?_r=0)> (truy cập 15/4/2017).

- Thrall, Lloyd (2015). *China's expanding African relations: Implications for U.S. national security*. Santa Monica, Calif .: RAND Corporation.
- United Nations (1958). *United Nations Treaty Series – Treaties and international agreements registered or filed and recorded with the Secretariat of the United Nations*, Volume 299.
- van Dijk, Miene Pieter (ed.). (2009a). *The new presence of China in Africa*. Amsterdam, Amsterdam University Press.
- van Dijk, Miene Pieter (2009b). Introduction: objectives of and instruments for China's new presence in Africa. In: Van Dijk, Miene Pieter (ed.), *The new presence of China in Africa*. Amsterdam, Amsterdam University Press, tr. 9-30.
- Waldron, Arthur (2005). The rise of China: Military and political implications. *Review of International Studies*, Vol. 31, Issue 4, tr. 715-733.
- Ye, Min (2015). China and competing cooperation in Asia-Pacific: TPP, RCEP, and the new Silk Road. *Asian Security*, Vol. 11, Issue 3, tr. 206-224.
- Zheng, Yongnian and Sow Keat Tok (2007). 'Harmonious society' and 'harmonious world': China's policy discourse under Hu Jintao. *Briefing Series*, Issue 26, October. Nottingham: China Policy Institute, University of Nottingham.
- Zoellick, R.B. (2000). A Republican foreign policy. *Foreign Affairs*, Vol. 79, No. 1, tháng 1/2, tr. 63-78.